TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-PT
Ngày 07/4/2023
V/v "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng
Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu
Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-DS ngày 06/02/2023 về việc *"Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2023/QĐ-PT ngày 10/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 75/QĐ-PT ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T - Sinh năm: 1983 - Địa chỉ: Tổ 06 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Trịnh Thị Th - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Tổ 03, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/3/2023 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Gia Lai). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V - Địa chỉ: Tổ 42 phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ: 50 đường L, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Thân Đức G - Địa chỉ: Số 72 đường Hàm Nghi, tổ 29 phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

3. Bà Trịnh Thị Th - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Tổ 03 phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

4. Bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thanh Tr - Địa chỉ: Số 126 đường H, phường Đ thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng V, là Bị đơn; Ông Thân Đức G; Bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thanh Tr, là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, đơn trình bày đề ngày, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/03/2021, bà T cùng bà Nguyễn Thị Hồng V thỏa thuận bằng văn bản để nhờ bà V đi đặt cọc giùm bà T căn nhà số 63 đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến ngày 22 và 23/03/2021, căn cứ thỏa thuận trên bà T đã trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng V với số tiền là: 470.000.000đ để bà V đi đặt cọc nhà giùm bà T (có biên lai chuyển tiền cụ thể) đồng thời bà T giao thêm 30.000.000đ tiền mặt cho bà V (có giấy nhận tiền viết tay của bà V). Sau khi nhận được số tiền của bà T thì bà V cũng đã thực hiện việc đặt cọc đối với ngôi nhà nêu trên, mọi thủ tục đặt cọc diễn ra bình thường, có hợp đồng đặt cọc do bên chủ sở hữu tài sản và bên đặt cọc giùm là bà V ký, có giao tiền đầy đủ. Tuy nhiên, đến ngày hẹn đi công chứng đối với căn nhà trên vào ngày 12/04/2021, thay vì việc các bên thực hiện việc công chứng chuyển nhượng như thường lệ thì bà V báo số tiền mà bà V thay bà T đặt cọc đã bị Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê ra

Quyết định tạm giữ và bà V đã chuyển cho bà T xem 01 Quyết định tạm giữ tài sản, giấy tờ số 01QĐ-CCTHADS đề ngày 30/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Sau khi biết được, bà T đã trực tiếp khiếu nại lên Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê nhằm làm rõ tài sản đó không phải của bà V mà là của bà T. Nhưng Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đã ra Thông báo số 320/TTCCTHADS đề ngày 10/06/2021 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án, thể hiện: "*người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền được khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ sau: số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Hồng V do bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N giữ*". Bà T xác định việc nhờ đặt cọc nhà giữa bà T và bà Nguyễn Thị Hồng V là đúng, đồng thời căn cứ vào các chứng từ thực tế đã tồn tại. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu đối với số tiền là 500.000.000 *(Năm trăm triệu đồng)* mà Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê tạm giữ theo Quyết định tạm giữ số: 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021 là của bà T và đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê làm thủ tục trả lại cho bà số tiền trên.

** Tại các đơn trình bày gửi cho Tòa án, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Bà V và bà Trịnh Thị T1 quen biết nhau qua bà Đỗ Thị Tuyết B để bà T1 xin việc làm cho bà V và bà B. Bà T1 giới thiệu là luật sư và có mối quan hệ rộng. Bà V có chuyển cho bà T1 số tiền 600.000.000đ xin việc làm sau đó chị T1 đả trả cho bà V số tiền 300.000.000đ bà V chấp nhận xí xoá vì bà nhận thấy bà T1 không có khả năng trả nợ. Sau một thời gian, bà T1 có nhờ bà V lên Gia Lai đặt cọc mua nhà số 63 Lê Hồng Phong, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Số tiền đặt cọc là 500.000.000đ. Ngày 22/3/2021 bà T chuyển cho bà V số tiền 300.000.000đ. Đến ngày 23/3/2021, bà T chuyển tiếp 170.000.000đ, còn 30.000.000đ là tiền của bà V. Ngày 22/3/2021, bà V đi đặt cọc nhà số 63 Lê Hồng Phong, tỉnh Gia Lai bằng số tiền trên. Tổng số tiền đặt cọc bà T chuyển cho bà V để đặt cọc là 470.000.000đ, còn lại 30.000.000đ là của bà V. Ngoài ra, giữa bà V và bà T1 có nhiều lần chuyển đổi tiền như sau:

+ Lần thứ nhất: Bà V chuyển cho bà T1 số tiền 100.000.000đ là tiền phí để T1 đi đòi nợ.

+ Lần thứ 2: Bà V chuyển tiền mặt cho T1 số tiền là 180.000.000đ

+Lần Thứ 3: Bà V mượn của bà Tâm 100.000.000đ, rồi nhờ bà Tâm chuyển tiền mặt qua cho bà T1 số tiền này.

+ Lần thứ 4: Bà V giao tiền mặt 50.000.000đ cho bà T1 tại khách sạn.

+ Lần thứ 5: Bà V mượn của bạn số tiền 30.000.000đ để đưa trực tiếp cho bà T1.

+ Lần thứ 6: Bà V mượn của bạn số Tiền 20.000.000đ để đưa trực tiếp cho bà T1 tại khách sạn đường Lê Quý Đôn, thành phố Đà Nẵng.

+ Lần thứ 7: Ngày bà T1 xuống Đà Nẵng lập vi bằng, tôi đưa cho bà T1 số tiền 16.000.000đ trực tiếp tại đây.

Khi đặt cọc đối với nhà tại địa chỉ 63 P, tỉnh Gia Lai thì 470.000.000đ là số tiền của bà T, số tiền 30.000.000đ là tiền của bà V. Các giấy tờ cũng như giấy viết cọc giùm, nội dung là do bà T1 đọc, soạn, bà V là người viết và ký tên. Đối với số tiền cọc 500.000.000đ, bà V là người trực tiếp chuyển tiền cọc cho ông Tr và bà N. Ông Tr, bà N đã mang số tiền này nộp cho Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Nay bà T khởi kiện số tiền 500.000.000đ đang do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê tạm giữ, bà V xác định 470.000.000đ là tiền của bà T, còn lại 30.000.000đ là của bà V. Bà V đồng ý giao toàn bộ 500.000.000đ cho Cơ quan Thi hành án giữ và xử lý. Còn số tiền bà T kiện bà, bà V yêu cầu bà T1 chuyển số tiền mà bà T1 đã nhận của bà V theo lời khai và chứng từ bà V cung cấp sang bà T.

** Đại diện theo uỷ quyền Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê - ông Nguyễn Bá N1 trình bày:*

Ngày 15/4/2021, Chấp hành viên nhận được thông tin cung cấp từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Gia Lai với nội dung: "Ngày 23/3/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V chuyển vào tài khoản nêu trên của bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N ba đợt với tổng số tiền *200.000.000đ*". Trên cơ sở đó và các biên bản giải quyết của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, ngày 23/4/2021 Chấp hành viên phụ trách hồ sơ áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng việc T tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ theo Quyết Định số: 41/QĐ-CCTHADS ngày 23/4/2021 và đã thông báo hợp lệ đến các bên liên quan theo pháp luật thi hành án dân sự. Việc tranh chấp số tiền 500.000.000đ theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số : 155/TB-TLVA ngày 18/11/2021 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng , giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng V. Theo quan

điểm của Chi cục đã ra Quyết định T tiền của người phải thi hành án đang do người thứ bà giữ của bà V, vì các lý do sau:

Để đảm bảo tính nghiêm minh của Bản án số: 02/2021/DT-PT ngày 04/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Bản án số: 23/2020/DSST ngày 16/7/2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Theo quan điểm của Chi cục thi hành án dâ sự quận Thanh Khê số tiền 500.000.000đ mà bà Phạm Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng V là một giao dịch dân sự khác, không liên quan đến số tiền Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê T của bà Nguyễn Thị Hồng V theo Hợp đồng đặt cọc ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N, ông Vũ Thanh Tr, bà Trịnh Thị T1 tại khách sạn Đức Long Gia Lai. Vì thế, nếu bà Phạm Thị T có tranh chấp với bà Nguyễn Thị Hồng V thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác theo pháp luật về dân sự.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và Ông Vũ Thành Tr trình bày:*

Về thẩm quyền giải quyết theo quyết định của Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đang thụ lý giải quyết vụ việc trên không đúng thẩm quyền vì bà Nguyễn Thị Hồng V; trú tại: số 244 Lý Nhân Tông, phường Khuê Tr, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Việc Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đưa vợ chồng bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định, vì chúng tôi chỉ quan hệ với bà Nguyễn Thị Hồng V, chứ không liên quan gì tới bà Phạm Thị T. Toàn bộ chứng cứ bà Nguyễn Thị Hồng V và bà Phạm Thị T lập ra đều làm sau khi các sự kiện xảy ra để cung cấp cho Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và đã bị Cơ quan thi hành án quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, xử lý số tiền của bà Nguyễn Thị Hồng V để giải quyết thi hành án cho việc thi hành án dân sự đối với bà Nguyễn Thị Hồng V. Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Hồng V và bà Phạm Thị T về việc cho mượn tiền đặt cọc cho vợ chồng tôi là quan hệ dân sự, vay mượn giữa hai người, không có liên quan gì tới ông Tr bà N. Ông Tr bà N có nhận tiền cọc của bà Nguyễn Thị Hồng V ngày 22/3/2021 với số tiền là 300.000.000 đồng và ngày 23/3/2021 với số tiền là 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà Nguyễn Thị

Hồng V, số tiền này là tiền của bà Nguyễn Thị Hồng V đặt cọc cho vợ chồng chúng tôi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Thân Đức G trình bày:*

Căn cứ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp. Tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 21/02/2022 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê số 155/TB-TA. Ông G là người có quyền lơi và nghĩa vụ liên quan căn cứ Quyết định của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê số 41/QĐ-CCTHADS ký ngày 23/04/2021 vê việc T tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ. Tôi cho việc T giữ tiền của Thi hành án quận Thanh Khê là đúng. Vì đó là tiền của bà Nguyễn Thị Hồng V đứng ra một mình đặt cọc mua đất mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông G theo các Quyết định Chi cụ thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Đối với việc bà Phạm Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng V là một vụ án dân sự khác.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào các Khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điều Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, Điều 160 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

Xác định số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) Tộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị T. (*Số tiền 500.000.000đ hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm giữ theo Quyết định về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021).*

2. Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê có trách nhiệm trả lại số tiền 500.000.000đ cho bà Phạm Thị T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. (*Số tiền 500.000.000đ hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm*

giữ theo Quyết định về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai T số 0002367 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng V; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; ông Thân Đức G kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên số tiền 500.000.000 đồng là của bà Nguyễn Thị Hồng V;

* Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thân Đức G giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 đối với nội dung bà T khởi kiện là quá thời hạn luật định và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến hiệu lực của các quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021 và quyết định số 41 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê mà chỉ giữ nguyên kháng nghị đối với nội dung xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V; ông Thân Đức G; bà

Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr, giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bà Nguyễn Thị Hồng V; Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr nhưng các đương sự nêu trên vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện khiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đối với nội dung bà T khởi kiện là quá thời hạn luật định và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến hiệu lực của các quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021 và quyết định số 41 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê mà chỉ giữ nguyên kháng nghị đối với nội dung xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án. Xét thấy việc rút một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng là tự nguyện nên căn cứ Điều 284 và Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng và Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này.

Xét kháng nghị của Viện khiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thì thấy:

Ngày 23/7/2021 bà Phạm Thị T nộp Đơn khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản đối với số tiền 500.000.000 đồng mà Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê ra Quyết định tạm giữ số 01/QĐ-CCTHADS là của bà chứ không phải của bà Nguyễn Thị Hồng V. Ngày 23/4/2021 Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đã ra Quyết định số 41 về việc T tiền của người phải thanh hành án đang do người thứ 3 giữ đối với số tiền 500.000.000 đồng theo Quyết định tạm giữ

số 01/QĐ-CCTHADS nêu trên. Theo quy định tại Điều 81 Luật Thi hành án dân sự thì số tiền 500.000.000đ mà Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm giữ là một trong những quyết định cưỡng chế thi hành án. Như vậy, đối tượng tranh chấp mà bà T khởi kiện là tài sản bị cưỡng chế để thi hành án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Xác định quyền sở hữu tài sản" là chưa chính xác, nên HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê và xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".

*** Về nội dung:**

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V; ông Thân Đức G; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr thì thấy:

[3] Ngày 21/3/2021 bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị Hồng V có thoả Tận bằng văn bản về việc bà V đặt cọc tài sản giùm cho bà T số tiền 500.000.000 đồng để mua căn nhà tại địa chỉ số 63 Lê Hồng Phong, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi ký thỏa thuận, bà T đã chuyển tiền 03 lần vào tài khoản của bà V với tổng số tiền: 470.000.000 đồng, số tiền còn lại là 30.000.000 đồng theo bà T thì bà đưa trực tiếp cho bà V bằng tiền mặt, còn theo bà V trình bày thì số tiền này là của bà bỏ ra. Tuy nhiên, tại giấy nhận tiền ngày 23/03/2021 có người nhận tiền Nguyễn Thị Hồng V ký tên thể hiện: *"Tôi Nguyễn Thị Hồng V, trú tại tổ 42 phường V Tr , quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ngoài số tiền 470.000.000đ T đã chuyển khoản thì Phạm Thị T có giao cho tôi 30.000.000đ tiền mặt dùng để đặt cọc nhà giùm cho T"*, mặt khác bà V cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy, HĐXX không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà V mà xác định tổng số tiền bà T đã chuyển cho bà V là 500.000.000 đồng.

[4] Ngày 22/03/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V (Bên A - Bên đặt cọc và mua nhà) và bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N, ông Vũ Thành Tr, bà Trịnh Thị T1 (Bên B - Bên nhận đặt cọc và bán nhà) lập Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thể hiện nội dung: *"...Đối tượng của Hợp đồng này là số tiền: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: năm trăm triệu đồng chẵn) tiền Việt Nam mà bên A chấp Tận đặt cọc cho bên B để được nhận chuyển nhượng tài sản là: thửa đất có địa chỉ tại: số nhà 63 Lê Hồng Phong, thành phố P, Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CU 804635, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 08/10/2020..."*. Thực hiện Hợp đồng đặt cọc đã ký

kết, ngày 22/03/2021 bà Nguyễn Thị Hồng V đã chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng và ngày 23/03/2021 đã chuyển khoản số tiền 200.000.000đ, tổng cộng là 500.000.000đ trên cho bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N.

[5] Sau khi thỏa thuận đặt cọc giùm thì các bên đã thực hiện đúng thỏa thuận, cụ thể ngày 22/03/2021 sau khi nhận được số tiền 300.000.000 đồng do bà T chuyển khoản thì bà V chuyển cho bà N số tiền này; ngày 23/03/2021 sau khi nhận được số tiền 200.000.000 đồng do bà T chuyển khoản 02 lần và 01 lần giao trực tiếp thì bà V cũng chuyển cho bà N số tiền này làm 03 đợt. Như vậy, sau khi bà T chuyển cho bà V bao nhiêu tiền thì bà V chuyển ngay số tiền này cho bà N chứng tỏ thỏa thuận đặt cọc giùm giữa bà T và bà V là có thật trên thực tế. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 500.000.000 đồng mà Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm giữ là của bà T là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu của bà V cho rằng bà đã nhiều lần chuyển tiền cho bà Th nên bà Th phải trả cho bà T số tiền mà bà T đã chuyển cho bà, HĐXX xét thấy trong vụ án này chỉ giải quyết tranh liên quan đến tài sản hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm giữ, nên HĐXX không xem xét yêu cầu của bà V.

[7] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Bản án sơ thẩm đã xác định số tiền 500.000.000 đồng Tộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị T; Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê có trách nhiệm trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho bà Phạm Thị T là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V; ông Thân Đức G; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr và giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[8] Về án phí:

[8.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T nên bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng.

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu là 300.000 đồng; ông Thân Đức G phải chịu là 300.000 đồng; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr phải chịu là 300.000 đồng.

Riêng bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Thân Đức G là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Thân Đức G.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 2 Điều 296; Điều 284 và Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 158, Điều 160 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đối với nội dung bà T khởi kiện là quá thời hạn luật định và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến hiệu lực của các quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021 và quyết định số 41 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đối với nội dung xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V; ông Thân Đức G; bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 73/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự".

1. Xác định số tiền 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)* hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê đang tạm giữ theo Quyết định về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ số 01/QĐ-CCTHADS ngày 30/3/2021 Tộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị T.

2. Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê có trách nhiệm làm thủ tục trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho bà Phạm Thị T.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu là 300.000 đồng.

Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai T số 0002367 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc Cẩm N và ông Vũ Thành Tr phải chịu là 300.000đ.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Thân Đức G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Vũ Việt Dũng